

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 11,200 VNĐ | | |
| 30/09/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 0% | 0% | 4.5% |

| | | |
|-----|-------|-------------------|
| | Q3/24 | |
| ROE | 8.1% | +/- YoY ▲ 1.9% |

| | | | |
|----------|--------|--------------------------|-------------------------|
| | Q3/24 | | |
| DT thuần | 40.2 | QoQ ▼ 51.3 ▼ 56.1% | YoY ▲ 3.40 ▲ 9.2% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|----------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| DT thuần | 201 | YoY ▲ 14.0 ▲ 7.3% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------|--------|--------------------------|-------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN gộp | 8.16 | QoQ ▼ 3.04 ▼ 27.1% | YoY ▼ 0.16 ▼ 1.9% |
| | tỷ VNĐ | | |

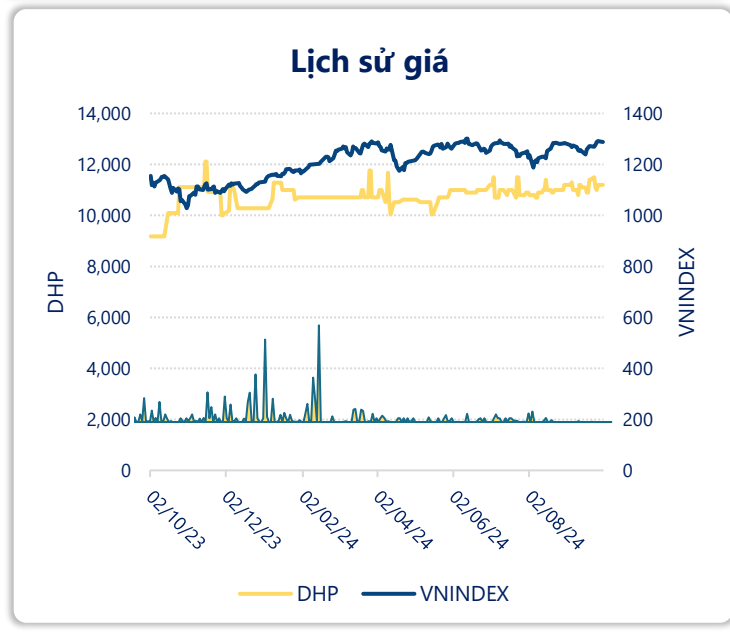
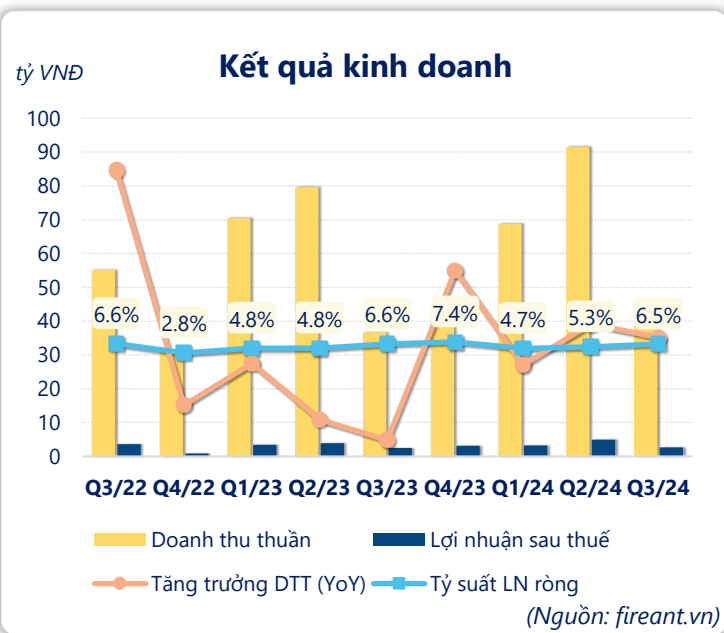
| | | |
|--------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN gộp | 32.3 | YoY ▲ 0.80 ▲ 2.5% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|----------|--------|--------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN thuần | 3.27 | QoQ ▼ 1.29 ▼ 28.4% | YoY ▲ 0.30 ▲ 10.0% |
| | tỷ VNĐ | | |

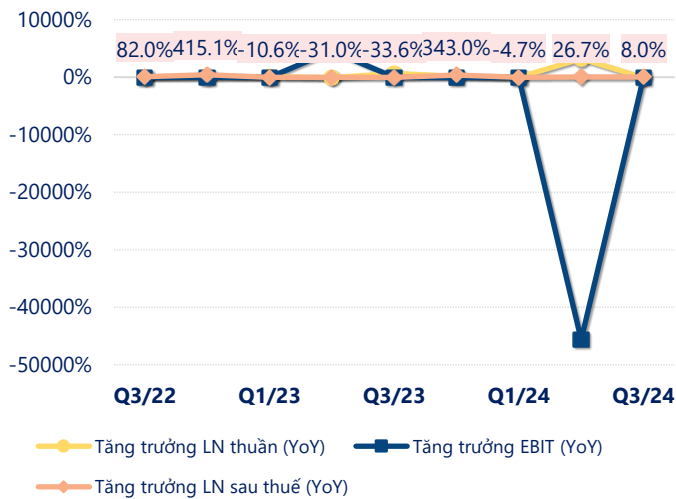
| | | |
|----------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN thuần | 11.8 | YoY ▼ 0.10 ▼ 0.8% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-------------|--------|--------------------------|-------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN sau thuế | 2.62 | QoQ ▼ 2.27 ▼ 46.5% | YoY ▲ 0.20 ▲ 8.1% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-------------|---------|--------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN sau thuế | 10.7 | YoY ▲ 1.04 ▲ 11.1% |
| | tỷ VNĐ | |

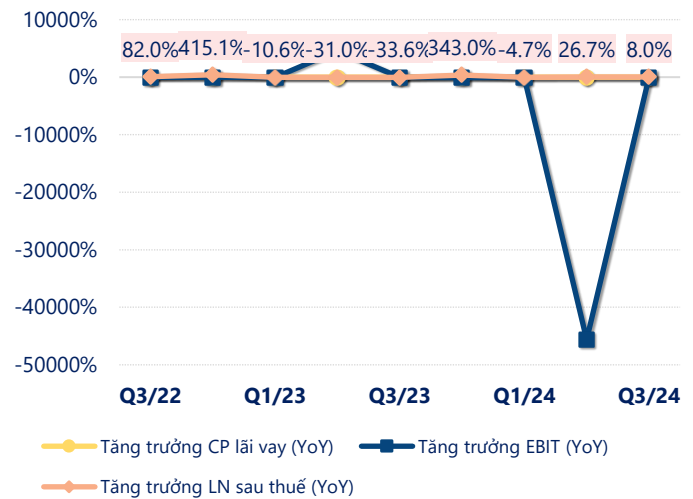


Tăng trưởng lợi nhuận



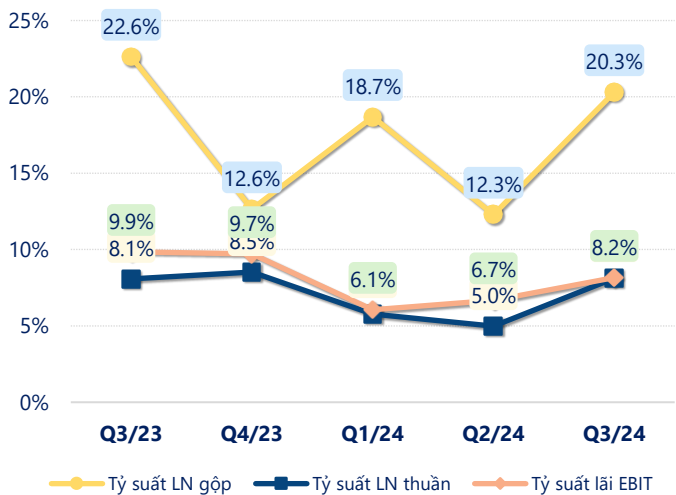
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



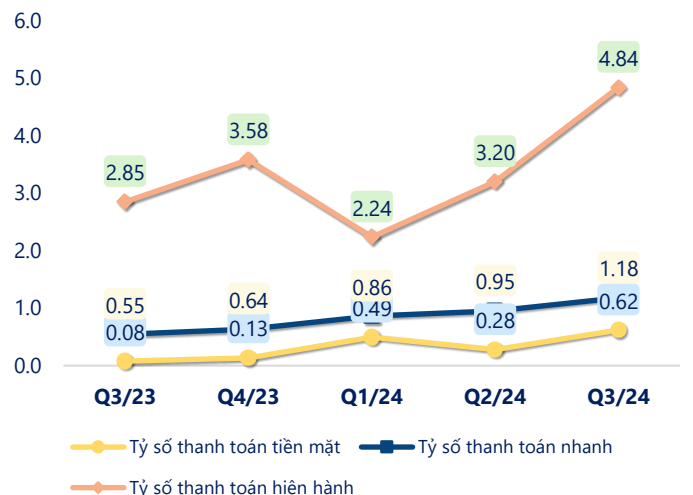
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



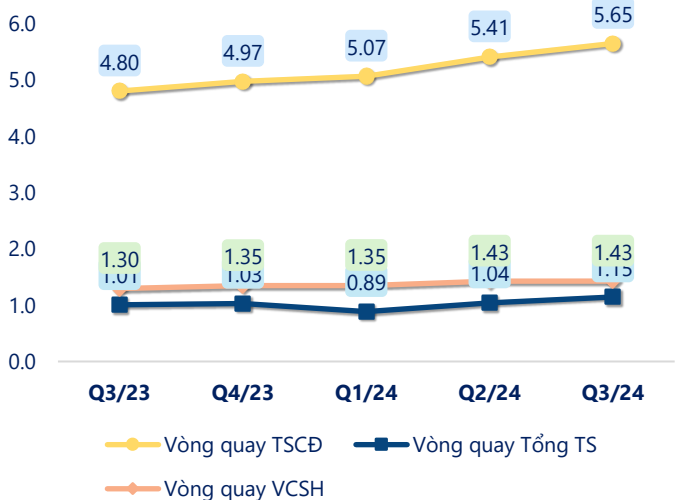
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



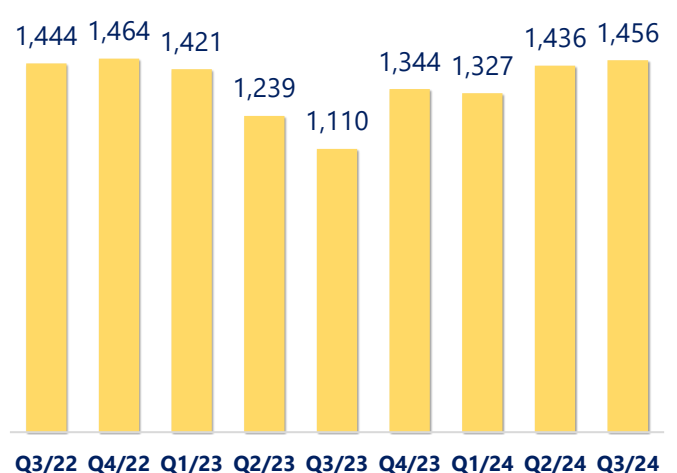
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------|-------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 40.2 | 36.8 | 9.2% | 201 | 187 | 7.3% |
| Giá vốn hàng bán | 32.0 | 28.4 | 12.7% | 168 | 155 | 8.3% |
| Lợi nhuận gộp | 8.16 | 8.32 | -1.9% | 32.3 | 31.5 | 2.5% |
| Doanh thu HĐTC | 0.32 | 0.41 | -21.5% | 1.45 | 2.08 | -30.2% |
| Chi phí TC | 0.05 | 0.91 | -94.3% | 5.01 | 4.63 | 8.1% |
| Chi phí lãi vay | 0.01 | 0.60 | -99.0% | 0.16 | 1.30 | -88.1% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 1.28 | 1.43 | -10.8% | 5.21 | 5.59 | -6.8% |
| Chi phí QLDN | 3.89 | 3.42 | 13.7% | 11.7 | 11.5 | 2.1% |
| LN thuần từ HĐKD | 3.27 | 2.97 | 10.0% | 11.8 | 11.9 | -0.8% |
| Lợi nhuận khác | 0.00 | 0.05 | -91.4% | 1.61 | 0.18 | 800% |
| LN trước thuế | 3.27 | 3.03 | 7.9% | 13.4 | 12.1 | 11.1% |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.62 | 2.42 | 8.1% | 10.7 | 9.66 | 11.1% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 2.62 | 2.42 | 8.1% | 10.7 | 9.66 | 11.1% |

(Nguồn: fireant.vn)

